

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn huyện Hoài Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT – BYT - BNNPTNT- BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về việc hướng dẫn phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT – BNNPTNT - BNV ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT - BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT - BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 45/2019/QĐ - UBND ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế Hoài Nhơn tại Tờ trình số 347/TTr - PKT ngày 02 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn huyện Hoài Nhơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Phòng Kinh tế huyện Hoài Nhơn.
2. Ủy ban nhân dân 17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.
3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản và vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Điều 3. Nội dung phân công, phân cấp

Phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn huyện Hoài Nhơn, bao gồm:

1. Phân công, phân cấp nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất ban đầu nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm (*kèm theo Phụ lục I*).

2. Phân công, phân cấp nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, sơ chế, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nhỏ lẻ đảm bảo an toàn thực phẩm (*kèm theo Phụ lục II*).

3. Phân công, phân cấp nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (giống nông nghiệp, giống lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học dùng trong thú y, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, chất cải tạo môi trường trong chăn nuôi thủy sản) thực hiện phân công, phân cấp như sau:

a) Phòng Kinh tế: Phối hợp các Chi cục quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật. Phối hợp kiểm tra, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn quản lý đối với các cơ sở không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 4: Nguyên tắc phân công và phối hợp trong triển khai hoạt động kiểm tra, giám sát chuyên ngành

1. Một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự kiểm tra, giám sát chuyên ngành bởi một cơ quan. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thì phân công một cơ quan chủ trì, cơ quan liên quan tham gia phối hợp theo yêu cầu của cơ quan chủ trì. Cơ quan được giao chủ trì chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra và có trách nhiệm giải trình với cơ quan cấp trên về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.

2. Hoạt động kiểm tra chuyên ngành phải đảm bảo không chồng chéo giữa các cơ quan có chức năng kiểm tra. Trong trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch kiểm tra chuyên ngành thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp xã, thị trấn trùng với kế hoạch của cơ quan cấp huyện, cấp tỉnh thì thực hiện theo kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp trên.

b) Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành của cơ quan cùng cấp trùng nhau về địa bàn, cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập đoàn liên ngành.

3. Những vướng mắc, phát sinh trong quá trình phối hợp thì báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xin ý kiến giải quyết.

Điều 5. Nhiệm vụ của các cơ quan được phân công

1. Các cơ quan được phân công, phân cấp theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, chất lượng vật tư nông nghiệp tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quản lý theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018, Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quy định khác của Bộ Nông nghiệp và Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Cơ quan được phân công quản lý đối với các cơ sở theo quy định tại khoản 1,2 Điều 3 thực hiện phổ biến, hướng dẫn về thực hành sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn cho các cơ sở. Tổ chức ký cam kết, kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết và xử lý các cơ sở vi phạm cam kết theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 6. Chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất

1. Thực hiện việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã từ lập kế hoạch đến thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên ngành thông qua Website phòng Kinh tế, phần mềm iDesk của Ủy ban nhân dân huyện Hoài Nhơn.

2. Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, cơ sở chưa thực hiện tốt cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi phân công, phân cấp.

3. Tổng hợp, báo cáo kết quả định kỳ và đột xuất:

a) UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm báo cáo định kỳ về Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Kinh tế) trước ngày 15 hàng tháng (riêng tháng 12 gửi báo cáo trước ngày 02) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

b) Phòng Kinh tế có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản) trước ngày 20 hàng tháng (riêng tháng 12 gửi báo cáo trước ngày 05) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 7. Trách nhiệm của phòng Kinh tế, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan liên quan

1. Phòng Kinh tế

a) Tham mưu giúp UBND huyện thực hiện các nội dung sau đây:

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn thực

phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện.

- Tham mưu chỉ đạo các ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn hướng dẫn cơ sở thực hiện các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện.

b) Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; các quy định khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên ngành; liên ngành đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo phân cấp tại Điều 3 của Quyết định này; Tổ chức kiểm tra, tham mưu UBND huyện xử lý vi phạm theo qui định của pháp luật.

d) Phối hợp Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao huyện thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, cơ sở chưa thực hiện tốt cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi phân công, phân cấp.

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều 6 của Quyết định này;

e) Hàng năm lập kế hoạch kinh phí hoạt động phục vụ công tác đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

a) Trên cơ sở phân công, phân cấp quy định tại Điều 3 của Quyết định này và các quy định pháp luật khác, thực hiện lập danh sách, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các quy định pháp luật về đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; chất lượng vật tư nông nghiệp theo phân cấp.

b) Tổ chức thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định khác liên quan.

c) Thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh quy định tại Điều 3 của Quyết định này theo phân cấp.

d) Phối hợp với phòng Kinh tế và các ngành liên quan kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn phụ trách.

đ) Thông báo công khai trên đài truyền thanh xã, thị trấn danh sách các cơ sở thực hiện đảm bảo cam kết và không đảm bảo cam kết an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn quản lý.

e) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều 6 của Quyết định này;

3. Các cơ quan liên quan: Phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Y tế, phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tư pháp, Hạt Kiểm lâm, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện... phối hợp với phòng Kinh tế và các cơ quan chức năng kiểm tra việc tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện theo lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hoài Nhon.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung nào chưa phù hợp hoặc phát sinh mới, UBND các xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân liên quan kịp thời báo cáo về phòng Kinh tế tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Kinh tế, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3, Điều 8;
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT. Hội đồng nhân dân huyện (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Phòng Tư pháp;
- Phòng Nội vụ;
- Lãnh đạo VP, CV;
- Lưu VT.

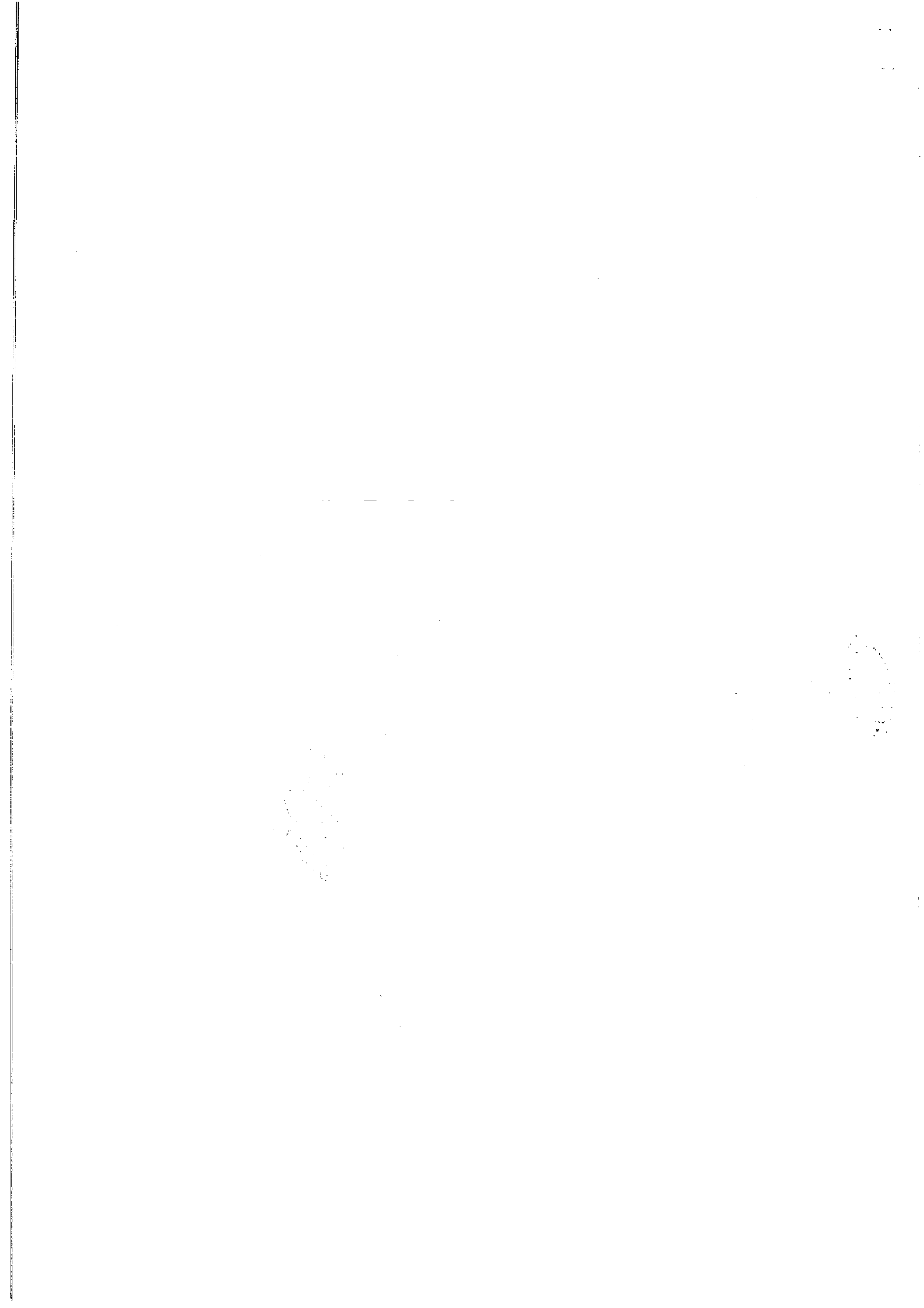
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



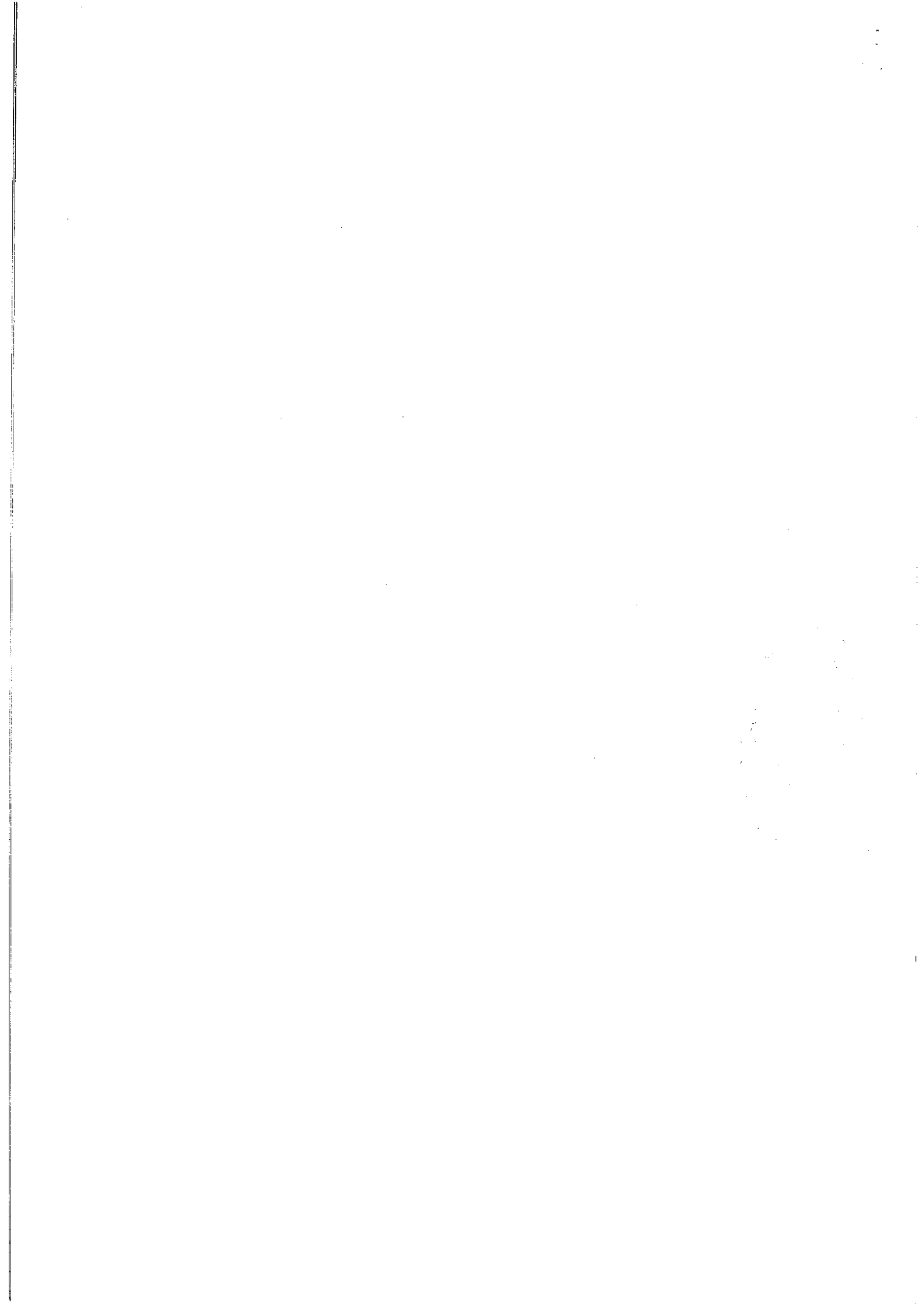
Trương Đê





**PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP NHIỆM VỤ VÀ PHÂN TRÁCH, GIÁM SÁT CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT
BAN ĐẦU NÔNG LÂM THỦY SẢN VÀ SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số: 10625/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện Hoài Nhơn)**

Mục	LOẠI HÌNH CƠ SỞ	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN (Đối với các cơ sở không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)	
		CẤP HUYỆN	CẤP XÃ
		<i>Áp dụng các biểu mẫu tại Thông tư số 71/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018</i>	
1	Trại chăn nuôi gia cầm	Quản lý đối với cơ sở, hộ chăn nuôi gia cầm có quy mô đàn nuôi từ 1.000 con trở lên	Quản lý đối với các hộ chăn nuôi gia cầm có quy mô đàn nuôi dưới 1.000 con
2	Trại chăn nuôi lợn (heo)	Quản lý đối với cơ sở, hộ chăn nuôi heo: Sinh sản 10 con trở lên; nuôi thịt 100 con trở lên	Quản lý đối với hộ chăn nuôi heo: Sinh sản dưới 10 con; nuôi thịt dưới 100 con
3	Trang trại chăn nuôi bò, bò sữa	Quản lý đối với cơ sở, hộ chăn nuôi bò: Sinh sản 10 con trở lên; nuôi thịt 50 con trở lên	Quản lý đối với hộ chăn nuôi bò: Sinh sản dưới 10 con; nuôi thịt dưới 50 con
4	Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn	Phối hợp, hướng dẫn cấp xã quản lý	Cấp xã quản lý
5	Tàu cá	Phối hợp, hướng dẫn cấp xã quản lý	Quản lý đối với tàu cá có chiều dài từ 14 m trở xuống
6	Cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh.		
7	Cơ sở sản xuất rau, quả, chè		
8	Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật	Phối hợp, hướng dẫn cấp xã quản lý	Cấp xã quản lý
9	Cơ sở sản xuất muối nguyên liệu		





PHỤ LỤC II

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, SƠ CHẾ, KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG SẢN NHỎ LẺ ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số: 10625/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện Hoài Nhơn)

Mục	LOẠI HÌNH CƠ SỞ	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN (Đối với các cơ sở không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)
1	Cơ sở giết mổ gia cầm	CẤP HUYỆN (Phòng Kinh tế huyện) <i>Áp dụng các biểu mẫu tại Thông tư số 71/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018</i>
2	Cơ sở giết mổ gia súc	CẤP XÃ
3	Cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên cạn	CẤP XÃ (UBND các xã, thị trấn)
4	Cơ sở kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn (<i>chuyên doanh</i>)	Cấp xã quản lý
5	Chợ đầu mối, đầu giá nguồn gốc động vật trên cạn.	Cấp xã quản lý
6	Cơ sở sơ chế rau, quả (<i>hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt</i>)	Phối hợp cấp huyện quản lý
7	Cơ sở thu gom, sơ chế sản phẩm có nguồn gốc thực vật (<i>hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt</i>)	Cấp xã quản lý
8	Cơ sở chuyên kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật, thủy sản	Phối hợp, hướng dẫn cấp xã quản lý
9	Cơ sở thu mua thủy sản	Cấp xã quản lý
10	Cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản	Cấp xã quản lý
11	Cơ sở sản xuất nước mắm, sản phẩm dạng mắm	Cấp xã quản lý
12	Cơ sở sản xuất thủy sản hàng khô	Cấp xã quản lý
13	Cơ sở sơ chế rau, quả (<i>độc lập</i>)	Cấp xã quản lý
14	Cơ sở chế biến rau, quả (<i>độc lập</i>)	Cấp xã quản lý
15	Cơ sở chế biến chè (<i>độc lập</i>)	Cấp xã quản lý
16	Cơ sở chế biến điều	Cấp xã quản lý

Mục	LOẠI HÌNH CƠ SỞ	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN	
		(Đối với các cơ sở không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) CẤP HUYỆN (Phòng Kinh tế huyện)	CẤP XÃ (UBND các xã, thị trấn)
17	Cơ sở chế biến cá phê nhân	Áp dụng các biểu mẫu tại Thông tư số 71/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018	
18	Cơ sở chế biến cả phê rang, cả phê rang xay (cả phê bột), cả phê hòa tan.		
19	Các cơ sở chế biến nông lâm thủy sản (sản xuất thịt hộp, lập xương, nem, chả, rong biển...)	Phối hợp, hướng dẫn cấp xã quản lý	Cấp xã quản lý
20	Cơ sở kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản (gắn với cơ sở kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản).		
21	Cơ sở sơ chế, chế biến muối ăn.		